

Bản án số: 128/2023/KDTM-ST

Ngày: 02-8-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2022/TLST-KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2023/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1; Trụ sở: Số 407 đường T3, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Tạ Đức T, năm sinh 1983; Chức danh; Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh N, năm sinh 1967; Địa chỉ liên hệ: Số 177/31 đường Số 12, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 7 năm 2022 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Quý C - luật sư Công ty L đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T2; Trụ sở: Số 3, đường C1, Phường X, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đặng Hồng N1, năm sinh 1991; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2022 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền có ông Nguyễn Thanh N trình bày: Ngày 13/10/2020, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 (viết tắt Công ty T1) và Công ty Cổ phần T2 (viết tắt Công ty T2) ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 131020/HĐMB/TT. Theo thỏa thuận, Công ty T1 đặt mua 1.500 thùng găng tay Latex màu vàng và 3.200 thùng găng tay Nitrile màu trắng với tổng giá trị 7.389.000.000 đồng và Công ty T1 phải đặt cọc 25% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền 1.847.250.000 đồng, thời hạn giao hàng được thực hiện vào ngày 11/11/2020 và ngày 17/11/2020 nhưng Công ty T2 không giao hạn như thỏa thuận. Ngày 23/6/2021, Công ty T2 giao được một lô hàng trị giá 1.726.200.000 đồng nhưng với điều kiện Công ty T1 phải thanh toán thêm số tiền 617.850.000 đồng và Công ty T1 đã thực hiện. Sau khi nhận hàng, Công ty T1 đã kiểm tra thì hàng bị thiếu, không đạt chất lượng trị giá 191.966.592 đồng. Công ty T1 đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu Công ty T2 giải quyết vụ việc nhưng Công ty T2 tìm cách né tránh. Sau khi đối chiếu với số tiền đã thanh toán và giá trị của lô hàng thì giá trị hợp đồng mà Công ty T2 chưa thực hiện tương ứng với số tiền 930.866.592 đồng. Do Công ty T2 không tiếp tục thực hiện hợp đồng như đã giao kết nên Công ty T1 khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa số 131020/HĐMB/TT ngày 13/10/2020; Yêu cầu Công ty T2 hoàn trả số tiền 930.866.592 đồng; Thanh toán tiền phạt hợp đồng 74.469.327 đồng; Thanh toán tiền lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử.

Bị đơn Công ty T2 vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa;

Công ty T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Không yêu cầu Công ty T2 thanh toán tiền phạt hợp đồng 74.469.327 đồng và tiền lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử. Thay đổi số tiền so với yêu cầu khởi kiện ban đầu từ 930.866.592 đồng giảm xuống 738.900.000 đồng và giữ nguyên ý kiến chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa số 131020/HĐMB/TT ngày 13/10/2020.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T1 thống nhất với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của Công ty T1.

Công ty T2 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty T1 rút yêu cầu Công ty T2 thanh toán tiền phạt hợp đồng 74.469.327 đồng do chậm giao hàng và tiền lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử. Do Công ty T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút.

Đối với yêu cầu thay đổi số tiền từ 930.866.592 đồng giảm xuống 738.900.000 đồng là có lợi cho Công ty T2 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận về số tiền thay đổi.

Đối với yêu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa số 131020/HĐMB/TT ngày 13/10/2020. Do Công ty T2 vi phạm thời hạn giao hàng và Công ty T1 không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng nên yêu cầu của Công ty T1 là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hóa số 131020/HĐMB/TT ngày 13/10/2020, phụ lục số 01 hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 22/6/2021 giữa Công ty T1 và Công ty T2 nhưng do Công ty T2 không giao hàng đúng như thỏa thuận. Công ty T1 khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty T2 và yêu cầu Công ty T2 hoàn trả một phần tiền đã nhận nên quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty T2 có địa chỉ trụ sở chính tại quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng mua bán hàng hóa số 131020/HĐMB/TT ngày 13/10/2020 và phụ lục số 01 ngày 22/6/2021 giữa Công ty T1 và Công ty T2 thể hiện tại thời điểm giao kết các chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật về hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401, Điều 403, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều

433, Điều 434, Điều 435, Điều 436, Điều 440 và Điều 445 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét Công ty T1 mua của Công ty T2 3.200 thùng găng tay N2 và 1.500 thùng găng tay Latex trị giá 7.389.000.000 đồng nhưng Công ty T1 phải đặt cọc 1.847.250.000 đồng (tương đương 25%), thời hạn giao hàng ngày 11/11/2020 và ngày 17/11/2020 nhưng Công ty T2 không giao hàng theo thỏa thuận. Ngày 23/6/2021, Công ty T2 giao một lô hàng trị giá 1.726.200.000 đồng nhưng yêu cầu Công ty T1 phải thanh toán thêm số tiền 617.850.000 đồng và Công ty T1 đã thực hiện. Sau khi nhận hàng, Công ty T1 kiểm tra thì phát hiện Công ty T2 giao hàng không đúng số lượng, kích cỡ, chất lượng như thỏa thuận tương ứng với số tiền 191.966.592 đồng và yêu cầu Công ty T2 khắc phục nhưng Công ty T2 không hợp tác.

Xét tổng số tiền Công ty T1 thanh toán cho Công ty T2 2.465.100.000 đồng nhưng Công ty T2 giao hàng trị giá 1.726.200.000 đồng, trong đó số hàng không đạt chất lượng trị giá 191.966.592 đồng và sau khi trừ đi số hàng không đạt chất lượng thì hàng số hàng thực tế mà Công ty T1 nhận trị giá 1.534.233.408 đồng. Số tiền mà Công ty T2 hiện còn giữ của Công ty T1 là 930.866.592 đồng và Công ty T2 có trách nhiệm hoàn trả số tiền trên, tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty T1 xác định số hàng không đạt chất lượng trị giá 191.966.592 đồng vẫn được tính cho giá trị lô hàng và chỉ yêu cầu Công ty T2 hoàn trả 738.900.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty T1 và Công ty T2 không thực hiện đúng như thỏa thuận, các bên cũng đã thanh lý một phần của hợp đồng và giữa hai bên cũng không có thiện chí hay mong muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng và để chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên nên Công ty T1 yêu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa số 131020/HĐMB/TT ngày 13/10/2020 là có cơ sở.

Công ty T1 căn cứ vào số tiền đã thanh toán 2.465.100.000 đồng trừ đi giá trị hợp đồng đã thực hiện 1.534.233.408 đồng, số tiền mà Công ty T2 còn giữ 930.866.592 đồng và yêu cầu Công ty T2 hoàn trả số tiền trên, tuy nhiên tại phiên tòa Công ty T1 thay đổi từ số tiền 930.866.592 đồng giảm xuống 738.900.000 đồng là có lợi cho Công ty T2. Công ty T2 không có ý kiến về số tiền mà Công ty T1 yêu cầu. Căn cứ vào số tiền thanh toán 2.465.100.000 đồng trừ đi giá trị hàng đã nhận 1.726.200.000 đồng, số tiền còn lại 738.900.000 đồng. Công ty T1 yêu cầu Công ty T2 hoàn trả 738.900.000 đồng là có cơ sở.

[2.2] Xét tại phiên tòa, Công ty T1 không yêu cầu Công ty T2 thanh toán tiền phạt vi phạm 74.469.327 đồng và tiền lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử. Do Công ty T1 rút lại yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút.

[2.3] Xét Công ty T1 yêu cầu Công ty T2 hoàn trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của Công ty T1 được chấp nhận nên Công ty T1 không phải chịu án phí và Công ty T1 được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Công ty T2 phải chịu án phí trên yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 71, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401, Điều 403, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436, Điều 440 và Điều 445 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật phí, Lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1.

- Chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa số 131020/HĐMB/TT ngày 13 tháng 10 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần T2 và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1.

- Buộc Công ty Cổ phần T2 thanh toán cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 số tiền 738.900.000 (Bảy trăm ba mươi tám triệu chín trăm nghìn) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn nếu bị đơn chưa thanh toán xong các khoản nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Cổ phần T2 trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 số tiền 74.569.327 (Bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu

mười chín nghìn ba trăm hai mươi bảy) đồng và tiền lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 số tiền 21.080.025 (Hai mươi một triệu không trăm tám mươi nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0031928 ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty Cổ phần T2 phải chịu án phí 33.556.000 (Ba mươi ba triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu

